TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **197**/2020/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 16 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 131/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Vân L, sinh năm: 1983;

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Nơi ĐKHKTT: Tổ 3, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Tổ 5, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Lê B, sinh năm 1980;

Nghề nghiệp: Cán bộ;

Địa chỉ:Tổ 3, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị Vân L và anh Lê B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Chị Vũ Thị Vân L và anh Lê B cùng xác nhận có 02 con chung là cháu Lê Vân A, sinh ngày 03/7/2006 và cháu Lê Vũ Minh A1, sinh ngày 07 /7/2012 và thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Lê Vân A và cháu Lê Vũ Minh A1 cho chị Vũ thị Vân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng.

Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Lê Vũ Minh A (con chung nhỏ nhất) đủ 18 tuổi. Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự".

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về phần tài sản chung; vợ chồng không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Án phí đối với việc thuận tình ly hôn là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* chị Vũ Thị Vân L tự nguyện chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/ 0000393, ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Vũ Thị Vân L số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí đối với việc thoả thuận về phần cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* anh Lê B phải chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Tuấn Vinh